

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN CHẾ ĐỘ CẤP CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ - CP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Từ tháng 01 đến 5 năm 2025)

STT	Họ và tên học sinh	Ngày tháng năm			Lớp	Họ và tên bố mẹ	Địa chỉ	Số tháng được hưởng	Thành tiền	Số thứ tự danh sách hộ nghèo năm 2025	Ký nhận	Ghi chú
		Ngày	tháng	năm								
I	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ											
II	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật khó khăn về kinh tế (Hộ cận nghèo)											
III	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo theo quy định của Nhà nước											
I	Đoàn Nguyễn Quang Vinh	10	09	2018	1A	Đoàn Văn Thường	Thôn 9, xã Năm N'jang, Đăk Song	5	750.000	13	096 19/01/24 825 (27/11/2021)	Nguyễn Thị Sĩ
2	Vũ Thiên Trúc	30	10	2018	1C	Vũ Văn Bình	Bu Boong, Đăk N'Drung, Đăk Song	5	750.000	03	040 18/06/209 (12/4/2024)	Nguyễn Thị An
3	Trần Bảo Long	11	12	2017	2B	Trần Văn Nguyễn	Tổ 6, thị trấn Đức An	5	750.000	20	036 18/02/209 (12/11/2021)	Nguyễn Thị Ngọc
4	Trần Ngọc Hân	10	01	2017	2B	Trần Văn Yên	Tổ 8, thị trấn Đức An	5	750.000	24	036 18/04/280 (28/11/2021)	Bùi Thị Cẩm
5	Phạm Thị Thùy Trang	12	06	2017	2C	Vũ Thị Loan	Thôn Thuận Hải, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song	5	750.000	15	Mẹ: 056 18/02/24 (12/11/2021)	Bùi Thị Cẩm
6	Hoàng Vương Lê Bảo	14	04	2015	3B	Lê Thị Tuất	Tổ 6, thị trấn Đức An	5	750.000	17	068 08/08/301 (25/11/2021)	Cao
7	Đoàn Tấn Phát	03	7	2015	3B	Đoàn Văn Thường	Thôn 9, xã Năm N'jang, Đăk Song	5	750.000	13	096 10/01/825 (27/11/2021)	Nguyễn Thị Sĩ
8	Nguyễn Thị Thu	06	5	2015	4A	Nguyễn Văn Thịnh	Tổ 8, thị trấn Đức An	5	750.000	26	036 18/02/24 (12/11/2021)	Nguyễn Thị Sĩ
9	Lê Thị Mỹ Hạnh	02	01	2015	4C	Lê Văn Phát	Thôn 11, xã Năm Jang, Đăk Song	5	750.000	16	036 18/02/24 (12/11/2021)	Nguyễn Thị Sĩ

